

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 4 CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
YẾN SÀO KHÁNH HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		552,080,427,564	546,536,255,633
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	87,970,952,041	45,387,111,284
1. Tiền	111		37,637,624,388	43,158,587,682
2. Các khoản tương đương tiền	112		50,333,327,653	2,228,523,602
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2,289,433,001	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	2,289,433,001	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		150,211,140,758	159,821,592,029
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	146,358,234,875	155,325,121,381
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2,119,689,170	3,280,701,094
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1,733,216,713	1,215,769,554
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		302,460,208,104	338,857,339,536
1. Hàng tồn kho	141	V.6	302,460,208,104	338,857,339,536
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9,148,693,660	2,470,212,784
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2,359,941,600	1,893,581,204
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		6,788,752,060	576,631,580
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		124,494,250,083	138,302,728,964
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		212,000,000	87,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		212,000,000	87,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		67,997,829,702	68,260,446,432
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	62,483,508,702	64,878,728,432
- Nguyên giá	222		144,978,977,073	135,062,805,508
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82,495,468,371)	(70,184,077,076)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5,514,321,000	3,381,718,000
- Nguyên giá	228		5,660,571,000	3,482,968,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(146,250,000)	(101,250,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,023,972,182	1,023,972,182
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1,023,972,182	1,023,972,182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		55,260,448,199	68,931,310,350
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	55,260,448,199	68,931,310,350
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		676,574,677,647	684,838,984,597

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		338,788,161,498	370,939,423,470
I. Nợ ngắn hạn	310		338,788,161,498	370,939,423,470
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	112,244,831,545	127,565,310,679
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1,083,974,958	1,133,440,878
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3,641,694,769	13,958,703,992
4. Phải trả người lao động	314	V.14	85,354,609,050	81,108,694,631
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	15,081,665,129	15,822,957,707
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	8,791,928,919	6,394,382,695
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,c	87,577,816,892	86,143,955,100
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	25,011,640,236	38,811,977,788
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		337,786,516,149	313,899,561,127
I. Vốn chủ sở hữu	410		337,788,260,629	313,899,561,127
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,350,161,370	3,350,161,370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	20,562,951,762	15,558,791,433
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	83,875,147,497	64,990,608,324
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7,483,386,044	64,990,608,324
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		76,391,761,453	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(1,744,480)	-
1. Nguồn kinh phí	431	V.20	(1,744,480)	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		676,574,677,647	684,838,984,597

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 01 năm 2022


 Phạm Thị Lành
 Người lập


 Nguyễn Khoa Bảo
 Giám đốc


 Trịnh Thị Hồng Vân
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Người đại diện theo pháp luật


CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

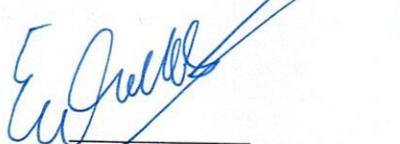
(Dạng đầy đủ)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	566,375,161,889	561,202,505,524	1,782,454,426,043	1,847,297,304,555
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		30,702,802,033	5,704,444,191	30,702,802,033	5,704,444,191
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		535,672,359,856	555,498,061,333	1,751,751,624,010	1,841,592,860,364
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	444,105,659,910	458,689,236,231	1,439,880,687,955	1,503,687,446,493
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		91,566,699,946	96,808,825,102	311,870,936,055	337,905,413,871
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	455,817,709	81,194,844	1,387,263,024	449,311,420
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,129,443,621	1,383,755,058	4,968,952,222	7,852,386,473
Trong đó: chi phí lãi vay	23		995,221,119	1,119,366,651	4,305,267,937	6,621,001,566
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	51,103,410,755	49,610,078,624	154,578,082,316	162,692,337,963
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14,818,420,590	16,346,724,290	55,966,080,903	59,663,251,262
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24,971,242,689	29,549,461,974	97,745,083,638	108,146,749,593
12. Thu nhập khác	31	VI.7	294,358,179	226,407,314	647,579,649	392,824,423
13. Chi phí khác	32	VI.8	15,850,975	316,617,598	139,137,680	511,670,096
14. Lợi nhuận khác	40		278,507,204	(90,210,284)	508,441,969	(118,845,673)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25,249,749,893	29,459,251,690	98,253,525,607	108,027,903,920
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	4,863,436,552	6,017,328,822	18,909,517,768	21,409,766,930
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20,386,313,341	23,441,922,868	79,344,007,839	86,618,136,990
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		20,386,313,341	23,441,922,868	79,344,007,839	86,618,136,990
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	886	767	2,633	2,902
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a	886	767	2,633	2,902

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 01 năm 2022


Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốcTrịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý 4 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		98,253,525,607	108,027,903,920
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	12,356,391,295	12,624,537,788
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1,387,263,024)	(405,173,773)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4,305,267,937	6,621,001,566
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		113,527,921,815	126,868,269,501
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2,824,286,564	(33,780,563,099)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	36,397,131,432	(20,975,597,346)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(10,724,071,914)	40,303,649,790
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7	13,204,501,755	8,356,182,312
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(4,305,267,937)	(6,621,001,566)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(27,861,944,667)	(16,274,655,638)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18,20	67,880,000	200,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18,20	(14,667,701,089)	(4,725,271,882)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		108,462,735,960	93,351,012,072
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7,9	(11,696,276,865)	(10,655,045,340)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(2,289,433,001)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	1,345,952,871	405,173,773
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12,639,756,995)	(10,249,871,567)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	619,714,335,263	703,343,971,614
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(618,280,473,471)	(700,702,398,152)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(54,673,000,000)	(56,442,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(53,239,138,208)	(53,800,426,538)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		42,583,840,757	29,300,713,967
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	45,387,111,284	16,086,397,317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	87,970,952,041	45,387,111,284

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 01 năm 2022



Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm doanh thu và lợi nhuận năm nay giảm so với năm trước.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Trong đó, 01 công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này và 03 công ty con không được hợp nhất.

6a. Thông tin về cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa có trụ sở chính tại Vĩnh Cát, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến, nuôi chim yến. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

6c. Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Vĩnh Cát, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến, nuôi chim yến	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa (*)	Lô NM5, NM6 đường số 1, Cụm Công nghiệp Sông Cầu, xã Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa	Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam (*)	Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến	100%	100%

- (*) Các Công ty này chưa được hợp nhất do chưa hoạt động kinh doanh nên chưa phát sinh số liệu kế toán.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Cửa hàng Yến Sào Vĩnh Diêm Trung - Nha Trang – Khánh Hòa kiếm Văn phòng đại diện	Lô 7-9 Đường A1, 84 đường B1, khu đô thị Vĩnh Diêm Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng số 18 Thái Nguyên – Nha Trang – Khánh Hòa	Số 18 Thái Nguyên, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng số 48 Lê Thánh Tôn – Nha Trang – Khánh Hòa	Số 48 Lê Thánh Tôn, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng số 68 Hoàng Diệu - Nha Trang	Số 68 Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, Thành phố Nha Trang - Nha Trang

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 1.055 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.034 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị thương hiệu, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê mặt bằng và chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí thương hiệu

Chi phí thương hiệu phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho mặt bằng đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08
Tài sản cố định khác	05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn gồm:

Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn bao gồm đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm có thời hạn đến năm 2048. Tập đoàn không trích khấu hao đối với toàn bộ quyền sử dụng đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư,

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.270.182.223	2.001.343.882
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.367.442.165	41.157.243.800
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	50.333.327.653	2.228.523.602
Cộng	87.970.952.041	45.387.111.284

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>	2.289.433.001	2.289.433.001	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	2.289.433.001	2.289.433.001	-	-
Cộng	2.289.433.001	2.289.433.001	-	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	103.283.088.857	128.761.381.537
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	95.857.966.757	114.797.547.879
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	7.418.400.000	13.542.575.059
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	-	91.740.698
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	310.200	13.543.530
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà		223.144.250

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
hàng Yến sào Khánh Hòa		
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN	-	37.596.943
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	6.411.900	55.233.178
Phải thu các khách hàng khác	43.075.146.018	26.563.739.844
Cửa hàng tổng hợp - Công ty Cổ phần du lịch thương mại Nha Trang		10.532.240.356
Công ty TNHH MTV Yến Sào Phú Khánh	-	9.765.847.096
Công ty TNHH MTV IVNEST Việt Nam	5.211.018.221	4.950.152.924
Các khách hàng khác	37.864.127.797	1.315.499.468
Cộng	146.358.234.875	155.325.121.381

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Huỳnh Long	383.417.440	2.099.292.800
Công ty TNHH MTV Thiết kế XD Sanatech Land	197.805.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Kỹ thuật IPT Việt Nam	877.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	660.966.730	1.181.408.294
Cộng	2.119.689.170	3.280.701.094

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	44.621.100	-	35.621.100	-
Công ty TNHH MTV Nhà máy nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa	17.389.900	-	14.389.900	-
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam	13.615.600	-	10.615.600	-
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	13.615.600	-	10.615.600	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.688.595.613	-	1.180.148.454	-
Tạm ứng	1.021.453.158	-	799.905.053	-
Các khoản đặt cọc	12.000.000	-	-	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	62.082.903	-	46.069.154	-
Lãi tiền gửi dự thu	41.310.153	-	-	-
Quỹ thưởng Ban điều hành	24.488.247	-	9.057.527	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	527.261.152	-	325.116.720	-
Cộng	1.733.216.713	-	1.215.769.554	-

5b. Phải thu dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	150.279.325.178	-	139.737.955.022	-
Công cụ, dụng cụ	78.703.962.516	-	76.791.620.805	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.836.033.959	-	9.593.268.470	-
Thành phẩm	45.116.117.963	-	66.558.166.302	-
Hàng hóa	19.117.333.078	-	38.414.499.102	-
Hàng gửi đi bán	4.407.435.410	-	7.761.829.835	-
Cộng	302.460.208.104	-	338.857.339.536	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	1.931.140.910	1.827.250.897
Chi phí công cụ dụng cụ	428.800.690	66.330.307
Cộng	2.359.941.600	1.893.581.204

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi thế kinh doanh	44.285.538.592	53.785.822.473
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.974.909.607	15.145.487.877
Cộng	55.260.448.199	68.931.310.350

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	17.587.216.273	98.798.212.060	17.562.029.787	921.147.388	194.200.000	135.062.805.508
Mua trong năm	1.601.589.582	5.420.118.181	1.422.600.000	-	-	8.444.307.763
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.471.863.802	-	-	-	-	1.471.863.802
Số cuối năm	20.660.669.657	104.218.330.241	18.984.629.787	921.147.388	194.200.000	144.978.977.073
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	3.463.158.129	24.214.385.638	9.020.087.961	256.102.076	-	36.953.733.804
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	10.957.601.500	45.880.295.366	12.870.407.582	423.722.628	52.050.000	70.184.077.076
Khấu hao trong năm	1.262.296.596	9.643.500.628	1.243.852.086	122.901.985	38.840.000	12.311.391.295
Số cuối năm	12.219.898.096	55.523.795.994	14.114.259.668	546.624.613	90.890.000	82.495.468.371

Giá trị còn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	6.629.614.773	52.917.916.694	4.691.622.205	497.424.760	142.150.000	64.878.728.432
Số cuối năm	<u>8.440.771.561</u>	<u>48.694.534.247</u>	<u>4.870.370.119</u>	<u>374.522.775</u>	<u>103.310.000</u>	<u>62.483.508.702</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.257.968.000	225.000.000	3.482.968.000
Mua trong năm	2.177.603.000	-	2.177.603.000
Số cuối năm	<u>5.435.571.000</u>	<u>225.000.000</u>	<u>5.660.571.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	101.250.000	101.250.000
Khấu hao trong năm	-	45.000.000	45.000.000
Số cuối năm	-	<u>146.250.000</u>	<u>146.250.000</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.257.968.000	123.750.000	3.381.718.000
Số cuối năm	<u>5.435.571.000</u>	<u>78.750.000</u>	<u>5.514.321.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	1.023.972.182	1.471.863.802	(1.471.863.802)	1.023.972.182
- Công trình Nhà Máy tại cụm công nghiệp Sông Cầu	1.023.972.182	-	-	1.023.972.182
- Các công trình khác	-	1.471.863.802	(1.471.863.802)	-
Cộng	<u>1.023.972.182</u>	<u>1.471.863.802</u>	<u>(1.471.863.802)</u>	<u>1.023.972.182</u>

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	11.729.784.835	29.372.934.037
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	4.767.798.369	2.128.462.708
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	440.973.940	851.906.780

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>			
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa		2.622.641.282		26.392.564.549		
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		3.898.371.244		-		
Phải trả các nhà cung cấp khác		100.515.046.710		98.192.376.642		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		13.994.540.468		8.025.326.991		
Công ty TNHH NHT		11.740.339.778		24.961.770.666		
Các nhà cung cấp khác		74.780.166.464		65.205.278.985		
Cộng		112.244.831.545		127.565.310.679		
12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn						
		<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>		
Phải thu các bên liên quan		18.958.360		-		
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		18.958.360		-		
Phải thu các khách hàng khác		1.065.016.598		1.133.440.878		
Các khách hàng khác		1.065.016.598		1.133.440.878		
Cộng		1.083.974.958		1.133.440.878		
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.281.660.926	-	97.433.564.622 (101.456.228.274)		3.258.997.274	3.016.136.234
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	7.839.334.276 (7.839.334.276)		-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.214.139.020 (2.214.139.020)		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.677.043.066	-	18.909.517.768 (27.861.944.667)		382.697.495	2.658.081.328
Thuế thu nhập cá nhân	-	576.631.580	9.405.146.349 (9.943.049.267)		-	1.114.534.498
Thuế tài nguyên	-	-	11.734.500 (11.734.500)		-	-
Các loại thuế khác	-	-	93.600 (93.600)		-	-
Lệ phí môn bài	-	-	13.000.000 (13.000.000)		-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	34.378.076 (34.378.076)		-	-
Cộng	13.958.703.992	576.631.580	135.860.908.211 (149.373.901.680)		3.641.694.769	6.788.752.060

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất như sau:

- Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Công ty con là Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa được miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo quy định tại khoản 4 điều 19 và khoản 3 điều 20 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Năm 2021 là năm thứ hai Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch, giá tính thuế là 5.000 VND/m³, thuế suất 5%.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Số cuối năm là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phát triển thị trường, trả thưởng	11.330.345.181	12.765.154.484
Trích trước chi phí vận chuyển	3.560.205.404	2.684.705.404
Chi phí thuê kho	-	39.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	191.114.544	334.097.819
Cộng	<u>15.081.665.129</u>	<u>15.822.957.707</u>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	43.000.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	43.000.000	
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.748.928.919	6.394.382.695
Kinh phí công đoàn	3.810.346.599	3.668.744.568
Bảo hiểm xã hội	6.815.909	2.708.807
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.931.766.411	2.722.929.320
Cộng	<u>8.791.928.919</u>	<u>6.394.382.695</u>

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	--------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	-	6.587.442.118
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱ⁾	41.566.818.444	16.822.055.569
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.920.953.050	24.766.603.073
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(iv)	<u>42.090.045.398</u>	<u>37.967.854.340</u>
Cộng	<u>87.577.816.892</u>	<u>86.143.955.100</u>

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 4 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	86.143.955.100
Số tiền vay phát sinh trong năm	631.077.355.881
Số tiền vay đã trả	<u>(629.643.494.089)</u>
Số cuối năm	<u>87.577.816.892</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận/ Hoàn nhập</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	38.243.003.706	(29.554.223)	-	(13.225.215.159)	24.988.234.324
Quỹ phúc lợi	568.974.082	(221.968.720)	17.880.000	(341.479.450)	23.405.912
Quỹ thưởng Ban điều hành	<u>(9.057.527)</u>	<u>1.033.831.280</u>	-	<u>(1.049.262.000)</u>	<u>(24.488.247)</u>
Cộng	<u>38.802.920.261</u>	<u>782.308.337</u>	<u>17.880.000</u>	<u>(14.615.956.609)</u>	<u>24.987.151.989</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Số dư của Quỹ thưởng Ban điều hành chi vượt được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	230.000.000.000	3.350.161.370	10.391.565.254	68.342.137.689	312.083.864.313
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	86.618.136.990	86.618.136.990
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-	-	-	(19.874.061.254)	(19.874.061.254)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi các năm trước	-	-	-	(8.102.946.612)	(8.102.946.612)
Trích Quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành các năm trước	-	-	-	(383.432.310)	(383.432.310)
Trích Quỹ đầu tư phát triển các năm trước	-	-	5.167.226.179	(5.167.226.179)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019	-	-	-	(56.442.000.000)	(56.442.000.000)
Số dư cuối năm	230.000.000.000	3.350.161.370	15.558.791.433	64.990.608.324	313.899.561.127
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	3.350.161.370	15.558.791.433	64.990.608.324	313.899.561.127
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(54.673.000.000)	(54.673.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm trước	-	-	4.020.078.200	(4.020.078.200)	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	2.219.687.200	2.219.687.200
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(1.033.831.280)	(1.033.831.280)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	79.344.007.839	79.344.007.839
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm nay	-	-	984.082.129	(984.082.129)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	(1.968.164.257)	(1.968.164.257)
Số dư cuối năm nay	230.000.000.000	3.350.161.370	20.562.951.762	83.875.147.497	337.788.260.629

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	117.300.000.000	117.300.000.000
Công ty Cổ phần Du Lịch Thương Mại Nha Trang	13.520.380.000	47.110.000.000
Các cổ đông khác	99.179.620.000	65.590.000.000
Cộng	230.000.000.000	230.000.000.000

Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 230.000.000.000 VND.

19c. Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-SKV ngày 04 tháng 6 năm 2021 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số trích/hoàn nhập trong năm này</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	54.673.000.000	-	54.673.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	4.020.078.200	-	4.020.078.200
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.080.312.800	18.300.000.000	(2.219.687.200)
• Trích thù lao, khen thưởng ban quản lý điều hành	1.608.031.280	574.200.000	1.033.831.280

Trong năm Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 984.082.129
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 1.968.164.257

19e. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 8.970,7 USD (số đầu năm là 46,24 USD).

20. Nguồn kinh phí

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Nguồn kinh phí được cấp	50.000.000	-
Chi sự nghiệp	(51.744.480)	-
Số cuối năm	(1.744.480)	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm trong năm.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	893.480.207.066	850.327.748.277
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	296.984.061.242	429.154.316.781
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	69.140.129.500	47.012.167.956
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	5.982.064.000	10.379.722.264
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	5.842.742.200	10.019.924.129
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN	3.228.401.400	6.204.559.866
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	2.471.634.800	2.488.810.840

2. **Giá vốn hàng bán**
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm bán trong năm.

3. **Doanh thu hoạt động tài chính**
Là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng.

4. **Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay		Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay	
	Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	995.221.119	1.119.366.633	4.305.267.937	6.621.001.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	134.222.502	264.388.425	663.684.285	1.231.384.907
Cộng	1.129.443.621	1.383.755.058	4.968.952.222	7.852.386.473

5. **Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay		Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay	
	Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.024.534.963	6.387.889.533	34.158.893.973	30.226.285.000
Chi phí vật liệu, bao bì	46.282.884	29.429.337	141.932.245	125.344.332
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	755.385.961	712.491.865	4.355.638.230	2.621.464.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	242.504.679	232.951.792	954.024.428	1.057.921.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.505.945.859	24.164.760.310	61.965.737.253	77.633.003.686
Các chi phí khác bằng tiền	29.528.756.409	18.082.555.787	53.001.856.187	51.028.318.911
Cộng	51.103.410.755	49.610.078.624	154.578.082.316	162.692.337.963

6. **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay		Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay	
	Quý 4 năm 2021	Quý 4 năm 2020	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.773.486.505	10.381.401.962	35.283.557.903	42.483.752.368

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quý 4 năm 2021</u>	<u>Quý 4 năm 2020</u>	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay	
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, đồ dùng	2.048.848.719	1.842.495.668	4.769.499.795	3.853.023.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.271.641	154.305.515	655.638.733	621.947.394
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.589.184.489	3.817.102.464	12.604.195.247	11.507.769.302
Các chi phí khác	239.629.236	151.418.681	2.653.189.225	1.196.758.693
Cộng	<u>14.818.420.590</u>	<u>16.346.724.290</u>	<u>55.966.080.903</u>	<u>59.663.251.262</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm 2021</u>	<u>Quý 4 năm 2020</u>	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay	
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vật tư, tài sản thừa kiểm kê	-	-	140.178.180	195.407.314
Hàng hóa được biểu, tặng	26.730.000	195.407.314	126.401.000	99.997.000
Thu nhập khác	267.628.179	31.000.000	381.000.469	97.420.109
Cộng	<u>294.358.179</u>	<u>226.407.314</u>	<u>647.579.649</u>	<u>392.824.423</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm 2021</u>	<u>Quý 4 năm 2020</u>	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay	
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp thuế, thuế bị truy thu	15.773.621	316.617.598	60.640.967	511.670.096
Chi phí khác	77.354	-	78.496.713	-
Cộng	<u>15.850.975</u>	<u>316.617.598</u>	<u>139.137.680</u>	<u>511.670.096</u>

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	79.344.007.839	86.618.136.990
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(18.774.351.777)	(19.874.061.254)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	60.569.656.062	66.744.075.736
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	23.000.000	23.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.633</u>	<u>2.902</u>

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt thực hiện theo quy định của Tập đoàn.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51,06% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH Một thành viên Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Sanest Tourist	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	25.042.289.169	51.578.759.625
Chi phí gia công yến nguyên liệu	35.982.375.000	74.184.950.000
Công ty mua tài sản	1.227.600.000	-
Chi phí dịch vụ đo đạc tư vấn	150.655.818	-
Chi phí sử dụng dịch vụ vận chuyển	381.818.182	1.309.090.908
Chi phí lắp đặt công nghệ nhà yến	-	616.522.500
Công ty chia cổ tức	27.882.210.000	28.785.420.000
Chiết khấu bán hàng	27.939.089.209	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	139.326.848.790	152.813.804.025
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Chi phí dịch vụ, vận chuyển	48.410.908	38.625.454
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Công ty mua nhiên liệu: xăng, dầu	12.438.498.901	10.018.576.190
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Thanh toán chi phí sử dụng dịch vụ	-	19.599.091
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	1.514.431.983	1.995.990.086

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty mẹ là Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa còn bảo lãnh cho các khoản vay của Tập đoàn tại các tổ chức tín dụng (xem thuyết minh số V.17).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.11, V.12 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

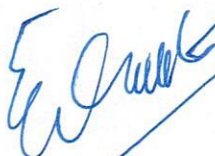
3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.


Khánh Hòa, ngày 28 tháng 01 năm 2022



Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật